

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2023

V/v “Ly hôn; Tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thề
2. Ông Hoàng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/10/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn T (Ch), sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Lý L, xã Đ, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T (Ch) được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2001 tại UBND xã Đ, huyện S. Sau ngày cưới vợ chồng chị làm ăn sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh T. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường

xuyên cãi chửi nhau. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn T (C).

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Dương Thị N, sinh ngày .../.../2000 và cháu Dương Thảo N sinh ngày .../.../2012. Cháu N hiện nay đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Chị không đề nghị anh T (Ch) cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Văn T (C) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2000 tại UBND xã Đ, huyện S. Sau ngày cưới anh chị làm ăn sinh sống tại thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh T. Cuộc sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H còn có hành vi ngoại tình với người khác, thời điểm đó anh đang đi làm ăn xa cứ sáng đi, tối mới về đến nhà. Sự việc này anh cũng đã khuyên nhủ chị H nhưng không thay đổi khiến cho cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn mong muốn vợ chồng có cơ hội nhìn nhận lại để đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Dương Thị N, sinh ngày .../.../2000 và cháu Dương Thảo N. sinh ngày .../.../2012. Cháu N hiện nay đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu trường hợp vợ chồng anh không quay về chung sống được cùng nhau việc giao nuôi con chung anh nhất trí giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dương Văn T (Ch).

- Giao cháu Dương Thảo N, sinh ngày 01/3/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Dương Văn T (Ch) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn T (Ch), đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T đã được triệu tập và tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2000 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đương sự đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, còn anh T cho rằng còn có thêm nguyên nhân do chị H ngoại tình (nhưng anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh). Bản thân chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn. Còn anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Kết quả xác minh tại địa phương xác định được chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không còn hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Dương Văn T (Ch).

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T có 02 người con chung tên là Dương Thị N, sinh ngày .../.../2000 và cháu Dương Thảo N, sinh ngày .../.../2012. Hiện cháu N đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng muốn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không có yêu cầu cấp dưỡng. Anh T có quan điểm nhất trí với quan điểm của chị H; cháu N có quan điểm muốn ở cùng mẹ nên việc giao cháu Dương Thảo N, sinh ngày .../.../2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Dương Văn T (Ch) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn T (Ch) không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Dương Văn T (C).

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dương Văn T (Ch).

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thảo N, sinh ngày .../.../2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dương Văn T (Ch) không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002750 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương.

Anh Dương Văn T (Ch) không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Dương Văn T (Ch) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Thế - Hoàng Văn Hùng

Phạm Thị Thùy Trâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đ, huyện S;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm